SỞ GD& ĐT TỈNH KON TUM
TRƯỜNG THPT KON TUM
Số: 04/TB -THPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 9 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc công khai các khoản thu, chế độ miễn giảm và các chế độ chính sách đối với học sinh năm học 2020-2021

I. CÁC KHOẢN THU:

1. Học phí:

1.1. Mức đóng học phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021. Mức thu 52.000đ/HS/tháng (Trường THPT Kon Tum đóng chân trên địa bàn phường Thống Nhất nên học phí thu theo mức của vùng 1)

1.2. Thời gian thu: Học phí được thu định kỳ hàng tháng, nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu 1 lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

***Phụ huynh nộp tiền học phí theo thông tin cụ thể như sau:**

Tên tài khoản: Trường THPT Kon Tum

Số tài khoản: 5100201012170

Tại: Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Kon Tum

2. Dạy thêm học thêm:

Thực hiện theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về dạy thê học thêm; Quyết định số 45/2012/QĐ-UBND, ngày 10/9/2012 của UBND tỉnh Kon Tum và Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 19/02/2014 của UBND tỉnh Kon Tum; Công văn số 952/SGD ĐT-TTr ngày 8/8/2016 của Sở GD&ĐT hướng dẫn thực hiện quy định về DTHT trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Mức thu: 6.000 đồng/tiết

3. Giữ xe: Thực hiện theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt phương án giá dịch vụ trông giữ xe tại các trường học trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Mức đóng: - Xe đạp, xe đạp điện: 8.000đ/tháng.
- Xe máy, xe máy điện: 16.000đ/tháng.

3. Bảo hiểm y tế học sinh:

Thực hiện theo Hướng dẫn liên ngành số 04/HDLN-BHXH-SGDĐT, ngày 20/8/2020 của liên ngành Bảo hiểm xã hội tỉnh và Sở GD&ĐT về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2020-2021.

3.1. Đối tượng tham gia: 100% học sinh bắt buộc phải tham *gia (trừ những đối tượng đã được nhà nước hỗ trợ 100% theo quy định)*

3.2. Mức đóng Bảo hiểm y tế HSSV và thời gian sử dụng thẻ BHYT:

- Khối 10, 11: 482.760 đồng/HS/năm (thời gian sử dụng thẻ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)
- Khối 12: 362.070 đồng/HS/9 tháng (thời gian sử dụng thẻ: từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/9/2021)

3.3. Thời gian nộp: Nộp trước ngày 20/12/2020

II. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC SINH.

1. Chế độ miễn, giảm học phí:

Theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015; Nghị định 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 và Thông tư liên tịch số 09/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016.

1.1. Đối tượng được miễn học phí (theo NĐ 86; NĐ 145 và TT09)

- Học sinh là con LS, AH LLVTND, TB, BB, người hưởng chính sách như TB; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;…
- Học sinh bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;
- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ;
- Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định;
- Học sinh là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân;
- Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. (Rơ Măm, BRâu)

1.2. Đối tượng được giảm học phí (theo khoản 1 về chế độ miễn, giảm học phí của thông báo này)

a. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

Học sinh là người DT thiểu số ở vùng có Điều kiện KT- XH đặc biệt khó khăn.

b. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Học sinh là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;
- Học sinh có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

2. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 86; NĐ 145 và TT09:

- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ
- Học sinh bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định.
- Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định.

* Số tiền được hỗ trợ CPHT là: 100.000đ/HS/tháng

2. Đối tượng được hỗ trợ gạo, tiền ăn, ở theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP:

2.1. Điều kiện học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ

a. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Nhà ở xa trường khoảng cách từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá.

b. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, ngoài các điều kiện quy định trên còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

2.2. Mức hỗ trợ

a. Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;

b. Hỗ trợ tiền nhà ở: Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;

c. Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

3. Chính sách học bổng đối với người khuyết tật:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Cụ thể:

3.1. Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

3.2. Người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học.

Trên đây là kế hoạch triển khai các khoản thu, chế độ miễn giảm học phí và các chế độ chính sách đối với học sinh trong năm học 2020-2021./.

Nơi nhận:
- HT, PHTr (theo dõi chỉ đạo);
- GVCN lớp (tổ chức thực hiện);
- Đăng tải website.
- Lưu VP, Kế toán.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KON TUM
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KON TUM

Nguyễn Ngọc Duyệt